

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 8 năm 2025

HỢP ĐỒNG
Số: 39/2025/HĐ-TVGS

**GÓI THẦU SỐ 06: GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG + LẮP ĐẶT
THIẾT BỊ**
**DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI CÁC Ô ĐẤT CT01,
CT02 THEO QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU NHÀ Ở CÁN BỘ,
BÁC SỸ BỆNH VIỆN BẠCH MAI TẠI THÀNH PHỐ PHỦ LÝ**

Giữa

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH

Và

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ KINH TẾ XÂY DỰNG
BẮC NINH SỐ 1**

Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 26 tháng 8 năm 2025

HỢP ĐỒNG

Gói số 06: Giám sát thi công xây dựng + lắp đặt thiết bị
Số: 39 /2025/HĐ-TVGS

Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý

giữa

SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH

và

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ KINH TẾ XÂY DỰNG
BẮC NINH SỐ 1**

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Giá hợp đồng

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 15. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 16. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

Điều 18. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 23. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 24. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Giá hợp đồng

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 23. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 24. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| | |
|-------------------------------|---|
| ĐKC | Điều kiện chung |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể |
| Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 | Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội. |
| Luật số 62/2020/QH14 | Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. |
| Nghị định số 37/2015/NĐ-CP | Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. |
| Nghị định số 50/2021/NĐ-CP | Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. |
| Nghị định số 06/2021/NĐ-CP | Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. |
| Nghị định số 175/2024/NĐ-CP | Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. |

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên A):

Tên giao dịch: **Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.**

Đại diện : **Ông Trần Văn Hưng** Chức vụ : **Phó Giám đốc Sở**

(Theo văn bản ủy quyền ký hợp đồng số 1793/SXD-KHTC ngày 20/8/2025 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình./).

Địa chỉ : Số 15 đường Trần Hưng Đạo, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại : 02293.871.638 Fax : 02293.871.638

Tài khoản số : 9552.2.8143850 tại Kho bạc nhà nước khu vực V.

Mã số thuế : 2700984306

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (Bên B):

Tên giao dịch: **Trung tâm Kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh số 1**

Đại diện : **Ông Đỗ Ngọc Thành** Chức vụ : **Giám đốc**

Địa chỉ : Tầng 2, trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhẫn, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại : 0204.3554.708

Tài khoản số : 114.000.023.365 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Viettinbank) – Chi nhánh Bắc Giang

Mã số thuế : 2400.299.571

Hai bên cùng thống nhất ký Hợp đồng Tư vấn giám sát thi công xây dựng + lắp đặt thiết bị dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý, như sau:

PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo

phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đấu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4 /2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 792/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 về việc phê duyệt dự án; số 840/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 về việc Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý;

Căn cứ các Quyết định của Sở Xây dựng tỉnh Hà Nam: số 1403/QĐ-SXD ngày 09/5/2025 về việc phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc dự án; số E2500260039_2506081822 ngày 08/6/2025 về việc phê duyệt E-HSMT gói số 06: Giám sát thi công xây dựng + lắp đặt thiết bị thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý;

Căn cứ các Quyết định của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình: số 954/QĐ-SXD ngày 31/7/2025 Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ

thuật; số 1336/QĐ-SXD ngày 11/8/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói số 06: Giám sát thi công xây dựng + lắp đặt thiết bị thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý;

Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng ngày 07/8/2024 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng với Trung tâm Kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh số 1 (Thời điểm nhà thầu tham dự thầu trước khi sáp nhập tỉnh là Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang).

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.
2. Nhà thầu tư vấn là: Trung tâm Kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh số 1.
3. Dự án là Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý.
4. Công trình là: Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại các ô đất CT01, CT02 theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cán bộ, bác sỹ Bệnh viện Bạch Mai tại thành phố Phủ Lý.
5. Gói thầu là: Gói số 06: Giám sát thi công xây dựng + lắp đặt thiết bị.
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
9. HSMT của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định tại HSMT của Chủ đầu tư.
10. HSDT của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định tại của Nhà thầu tư vấn.
11. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT.
12. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

14. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại **ĐKCT**]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng (nếu có); (Điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng);
- b) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;
- c) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- e) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu;
- f) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
- g) Các tài liệu quy định tại E-ĐKCT và các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình.

1. Nội dung và khối lượng công việc bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Nội dung công việc của hợp đồng Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

b) Nội dung công việc giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, cụ thể:

Công trình xây dựng phải được giám sát trong quá trình thi công xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật số 50/2014/QH13. Nội dung thực hiện giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị gồm:

- Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

- Kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt. Chấp thuận kế hoạch tổng hợp về an toàn, các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc đặc thù, có nguy cơ mất an toàn lao động cao trong thi công xây dựng công trình;

- Xem xét và chấp thuận các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP do nhà thầu trình và yêu cầu nhà thầu thi công chỉnh sửa các nội dung này trong quá trình thi công xây dựng công trình cho phù hợp với thực tế và quy định của hợp đồng. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng với các nhà thầu về việc giao nhà thầu giám sát thi công xây dựng lắp và yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện đối với các nội dung nêu trên;

- Kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình;

- Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác thực hiện công việc xây dựng tại hiện trường theo yêu cầu của thiết kế xây dựng và tiến độ thi công của công trình;

- Giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình; giám sát các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình lân cận, công tác quan trắc công trình;

- Đề nghị chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh thiết kế khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;

- Yêu cầu nhà thầu tạm dừng thi công khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn, vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động làm xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình và phối hợp xử lý, khắc phục sự cố theo quy định của Nghị định này;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và các tài liệu khác có liên quan phục

vụ nghiệm thu; kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;

- Tổ chức thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 5 Nghị định 06/2021/NĐ-CP (nếu có);

- Thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22, 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP; kiểm tra và xác nhận khối lượng thi công xây dựng hoàn thành;

- Thực hiện các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

2. Nhà thầu tư vấn phải lập và trình sản phẩm của hợp đồng Tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị hạng mục PCCC theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo, cụ thể:

- Đề cương giám sát: Không quá 05 ngày từ khi ký hợp đồng

- Báo cáo kế hoạch thực hiện: Trong vòng 05 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực

- Báo cáo tập hợp kiểm tra hồ sơ: 05 ngày sau khi ký hợp đồng

- Báo cáo kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng: 10 ngày sau khi ký hợp đồng

- Báo cáo kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: Nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình: 05 ngày sau khi ký hợp đồng

- Báo cáo kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công đã được phê duyệt: 05 ngày sau khi ký hợp đồng

- Báo cáo về các sai sót, bất hợp lý của hồ sơ thiết kế được duyệt: 05 ngày sau khi ký hợp đồng

- Báo cáo đầu kỳ về: Kết quả huy động chuyên gia; Kết quả chuẩn bị nhân lực, vật tư, vật liệu của nhà thầu thi công; Phương án dự kiến triển khai giám sát: 05 ngày sau khi ký hợp đồng

- Báo cáo tuần (nếu có): Nộp vào chiều thứ 6 hàng tuần hoặc theo thời gian do Chủ đầu tư quyết định

- Báo cáo tháng: Nộp vào chiều thứ 6 của tuần cuối cùng trong tháng hoặc theo thời gian do Chủ đầu tư quyết định

- Báo cáo khi công trình, hạng mục công trình nghiệm thu chuyển giai đoạn: Nộp ngay sau khi kết thúc một giai đoạn thi công

- Báo cáo đột xuất: Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc khi có vấn đề phát sinh.
- Báo cáo nghiệm thu kỹ thuật, nghiệm thu công việc trước khi chuyển sang thi công công việc tiếp theo, giai đoạn nghiệm thu 01 báo cáo/đợt nghiệm thu: Trước khi nghiệm thu theo từng đợt nghiệm thu/giai đoạn nghiệm thu
- Báo cáo trước khi họp giao ban công trường: Trước 1 ngày khi họp giao ban công trường
- Báo cáo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu Chủ đầu tư: Theo yêu cầu Chủ đầu tư
- Báo cáo cho cơ quan chức năng khi có yêu cầu: Khi có yêu cầu của Cơ quan chức năng
- Báo cáo khác trong quá trình triển khai: Ngay sau khi kiểm tra hoặc phát sinh công việc cần giải quyết
- Báo cáo chủ đầu tư về khối lượng phát sinh so với hợp đồng xây dựng: Sau khi có khối lượng phát sinh so với hợp đồng
- Báo cáo, đề xuất với chủ đầu tư các giải pháp cần thiết để đảm bảo tiến độ: Trước khi triển khai các hạng mục thi công.
- Báo cáo điều chỉnh tiến độ của dự án đối với trường hợp tổng tiến độ của dự án bị kéo dài: Khi các hạng mục thi công chậm tiến độ
- Báo cáo quá trình thực hiện: Báo cáo các phát sinh trong quá trình thực hiện: Chậm nhất sau 24 giờ kể từ khi phát sinh công việc
- Báo cáo chi tiết từng nội dung: Kế hoạch triển khai của nhà thầu thi công: Trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận nhiệm vụ.
- Báo cáo hoàn thành hợp đồng xây lắp của tổ chức tư vấn giám sát - Báo cáo công tác giám sát nghiệm thu công trình: Hoàn thành công trình, nghiệm thu công trình (Tối đa 30 ngày sau khi hoàn thành công trình)

b) Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công công trình xây dựng (theo phụ lục IVB Nghị định 06/2021/NĐCP): Hoàn thành công trình, nghiệm thu công trình

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**]

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

- b) Hồ sơ giám sát thi công xây dựng được duyệt.
- c) Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt.
- d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 9. Giá hợp đồng.

1. Giá hợp đồng:

- a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].

2. Nội dung của giá hợp đồng:

- a) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt...

- Chi phí khác có liên quan.

- b) Nội dung giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.

1. Nguyên tắc điều chỉnh.

- Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng kể cả thời gian gia hạn hợp đồng.

- Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng xây dựng:

- + Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác;

- + Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác;

- + Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

- Giá hợp đồng sau điều chỉnh không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt (bao gồm cả chi phí dự phòng cho gói thầu đó) thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư chấp thuận trước khi điều chỉnh và phải đảm bảo đủ vốn để thanh toán cho bên nhận thầu theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Kiến nghị chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư thuộc phạm vi giám sát.

c) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan Điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời Điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.
- g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng (đảm bảo theo danh sách nhân sự trong HSĐT).

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy trong Phụ lục [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng

03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục điều chỉnh bổ sung (nếu có).

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 16. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

Yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu tư vấn nhận được thông báo tạm dừng.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại ĐKCT] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 20 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 15 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 22 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 21 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua

sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 18. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành toàn tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 07 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi công trình được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu (nếu có).

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 17 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT]

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Thời gian thực hiện là [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán.

1. Tạm ứng: [quy định tại **ĐKCT**]
2. Tiến độ thanh toán: [quy định tại **ĐKCT**]
3. Hồ sơ thanh toán gồm:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu ký và đóng dấu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

+ Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu ký và đóng dấu;

+ Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Nhà thầu.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 24. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

Số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là: 03 bộ/01 loại hồ sơ (Báo cáo định kỳ; báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng hoặc Báo cáo đột xuất); 01 bộ/01 loại hồ sơ (Báo cáo hoàn thành).

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng: **3.528.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm hai mươi tám triệu đồng./.).

Giá hợp đồng trên đã bao gồm các chi phí của hợp đồng và thuế GTGT 10%.

Hai bên thống nhất sẽ điều chỉnh thuế GTGT trong mỗi lần thanh toán theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.

1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng:

Bổ sung những khối lượng công việc hợp lý (nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế kèm theo hợp đồng, hoặc những công trình, hạng mục công trình, công việc không phải thực hiện của thiết kế, hoặc những khối lượng công việc không thuộc lỗi chủ quan của nhà thầu gây ra). Các trường hợp bất khả kháng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định 37/2015/NĐ-CP mà các bên không lường trước được khi ký hợp đồng, được người quyết định đầu tư chấp thuận.

2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết để xem xét, nếu được sẽ thương thảo ký phụ lục bổ sung Hợp đồng gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Các trường hợp được phép gia hạn hợp đồng:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác trong quá trình thi công.

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra.

- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.

Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm gia tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 13. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 10 ngày.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 20 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSĐT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 05 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 05 ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 22 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và khi công trình được cấp vốn.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 10 ngày.

Điều 19. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần hoặc nhiều lần tùy theo tình hình thực tế đối với công tác nghiệm thu khối lượng xây lắp của các nhà thầu theo từng giai đoạn nghiệm thu được Chủ đầu tư phê duyệt.

Điều 20. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Thời gian thực hiện gói thầu: 360 ngày (theo tiến độ thi công xây lắp).

Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Sau 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thì nhà thầu phải lập biểu tiến độ chi tiết thực hiện Hợp đồng trình Chủ đầu tư để làm cơ sở kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng.

Điều 21. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng hợp đồng:

Giá trị tạm ứng: Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ xem xét tạm ứng cho Nhà thầu với mức tạm ứng tối đa không vượt quá 30% giá trị hợp đồng (1.058.400.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng*)).

Tiền tạm ứng của nhà thầu được Chủ đầu tư thu hồi dần qua các lần thanh toán, cụ thể: Thu hồi tạm ứng từ lần thanh toán đầu tiên đến các lần thanh toán tiếp theo với tỷ lệ 20% giá trị thanh toán của mỗi đợt thanh toán và phải thu hồi hết số tiền tạm ứng khi giá trị giải ngân (bao gồm cả thanh toán và tạm ứng) đạt 80% giá trị hợp đồng.

2. Tiến độ thanh toán:

- Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu và nguồn vốn được cấp cho công trình.

- Việc áp dụng giảm trừ thuế sau mỗi lần nghiệm thu, thanh toán được thể hiện luôn trong bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành trong hồ sơ thanh toán, làm cơ sở thanh toán mà không phải ký bổ sung phụ lục hợp đồng.

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam (VNĐ)

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 22. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 10 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 30 ngày. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không

2. Phạt vi phạm hợp đồng

a) Nhà thầu sẽ bị phạt vi phạm về tiến độ và chất lượng nếu không thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng đã ký. Mức phạt tối đa không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, cụ thể:

+ Về tiến độ: Mức phạt tối đa không quá 6% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Nếu nhà thầu chậm tiến độ từ 03 ngày (*do lỗi của mình gây ra*) trở lên thì phạt 1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho một ngày chậm tiến độ.

+ Về chất lượng: Mức phạt tối đa không quá 6% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phát hiện ra sai phạm không đảm bảo theo hợp đồng (như không thực hiện đúng một trong số những nội dung mà tư vấn phải làm theo hợp đồng đã ký) làm ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng của dự án, gây thất thoát lãng phí cho nhà nước thì nhà thầu sẽ bị phạt vi phạm chất lượng hợp đồng.

b) Nếu nhà thầu vi phạm cả về tiến độ và chất lượng thì mức sẽ phạt theo mức phạt quy định ở điểm a điều này. Trường hợp nhà thầu chỉ vi phạm một trong hai nội dung trên (tiến độ hoặc chất lượng) thì mức phạt vi phạm hợp đồng cho nội dung đó sẽ là 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

3. Bồi thường thiệt hại

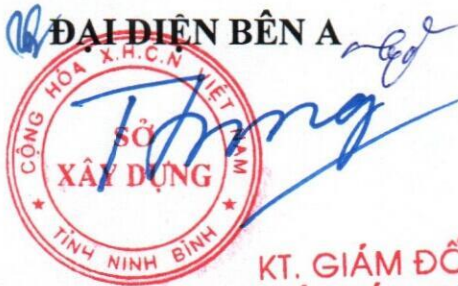
Ngoài mức phạt vi phạm về chất lượng và tiến độ hợp đồng nêu trên, thì nhà thầu còn phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do lỗi của nhà thầu gây ra. Trên cơ sở mức thiệt hại thực tế, các bên sẽ thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư.

4. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại sẽ được nộp vào tài khoản của Chủ đầu tư.

Điều 24. Điều khoản chung.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm trang và Phụ lục, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 04 bản.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Văn Hưng



GIÁM ĐỐC
KTS. **ĐỖ NGỌC THÀNH**

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU*(Kèm theo Hợp đồng số: 39/2025/HĐ-TVGS ngày 11/8/2025)*

| TT | Họ và tên | Trình độ chuyên môn | Chức danh bố trí trong gói thầu |
|-----------|--------------------|--|---|
| 1 | Nguyễn Thế Huân | Kỹ sư xây dựng công trình | Tư vấn giám sát trưởng |
| 2 | Nguyễn Văn Tuấn | Kỹ sư KT công trình xây dựng DD&CN | Giám sát viên phụ trách phần kết cấu |
| 3 | Trần Xuân Bách | Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng | Giám sát viên phụ trách phần kết cấu |
| 4 | Vi Văn Hoài | Kỹ sư kỹ thuật xây dựng | Giám sát viên phụ trách phần kiến trúc |
| 5 | Đỗ Văn Huy | Kỹ sư kỹ thuật điện; Kỹ sư xây dựng công trình | Giám sát viên phụ trách phần hệ thống điện trong, ngoài nhà, trạm biến áp |
| 6 | Nguyễn Văn Thịnh | Kỹ sư Ngành cấp thoát nước | Giám sát viên phụ trách hệ thống cấp, thoát nước trong, ngoài nhà |
| 7 | Đỗ Văn Duy | Kỹ sư xây dựng DD&CN | Giám sát viên phụ trách hệ thống phòng cháy, chữa cháy |
| 8 | Nguyễn Anh Dũng | Kỹ sư công trình thủy lợi | Giám sát viên phụ trách phần hạ tầng kỹ thuật |
| 9 | Nguyễn Văn Quân | Kỹ sư xây dựng | Giám sát viên phụ trách an toàn lao động |
| 10 | Lương Thị Minh Quý | Kỹ sư xây dựng công trình | Giám sát viên kiểm soát thanh, quyết toán công trình |